

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ ĐỨC

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: 04/2025/DS -ST

Ngày 15 - 01 - 2025

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lã Phi Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Hoàng Dân và ông Nghiêm Xuân Hoà

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở TAND huyện Mỹ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/ 2024/ TLST - DS ngày 01 tháng 10 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/ 2024/ QĐXX - ST ngày 13 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2024/QĐST - DS ngày 30/12/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961, ông Ứng Văn T, sinh năm 1956

Đều có HKTT: Đội 10, thôn K, xã V, huyện M, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Bà Lê Thị C, sinh năm 1969, ông Trịnh Minh H, sinh năm 1966 (ông Hải chết ngày 21/11/2023)

Đều có HKTT: Xóm 1, thôn H, xã H, huyện M, Thành phố Hà Nội.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hải đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị C, sinh năm 1969; anh Trịnh Minh Thắng, sinh năm 1994; anh Trịnh Thế Hưng, sinh năm 1989

Đều có HKTT: Xóm 1, thôn H, xã H, huyện M, Thành phố Hà Nội.

Bà Nguyễn Thị H uỷ quyền cho ông Ứng Văn T theo Giấy uỷ quyền ngày 19/7/2024.

Ông Túc có mặt; bà C, anh T, anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đòi nợ của ông Ứng Văn T, bà Nguyễn Thị H và những lời khai tại tòa ông Túc trình bày:

Do là chỗ quen biết với vợ chồng bà Lê Thị C, sinh năm 1969, ông Trịnh Minh H, sinh năm 1966, đều có HKTT: Xóm 1, thôn H, xã H, huyện M, Thành

phố Hà Nội (hiện nay ông Hải đã chết), nên vợ chồng ông Túc, bà Hoa cho vợ chồng ông Hải, bà C vay tiền, cụ thể:

- Ngày 15/7/2009, ông Túc, bà Hoa cho vợ chồng bà C, ông Hải vay với số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), được thể hiện tại giấy vay tiền ngày 15/7/2009 có chữ ký của vợ chồng bà C, ông Hải. Theo như giấy vay nợ thì vợ chồng bà C, ông Hải vay 100.000.000 đồng, với lãi xuất thỏa thuận (không ghi vào giấy vay nợ) mà thỏa thuận bằng miệng 2%/01 tháng; thời gian vay 06 tháng, trả lãi vào ngày 15 hàng tháng.

- Ngày 21/7/2009, ông Túc, bà Hoa lại cho bà C, ông Hải vay với số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*), khi vay thì cả hai vợ chồng cùng đến vay, nhưng chỉ có ông Hải là người viết giấy vay ngày 21/7/2009 có chữ ký của ông Hải. Theo như giấy viết tay thì ông Hải vay 50.000.000 đồng, với lãi xuất thỏa thuận (không ghi vào giấy vay nợ) mà thỏa thuận bằng miệng 2%/01 tháng; thời gian vay 01 tháng.

Từ khi vay cho đến nay bà C, ông Hải mới trả tiền lãi: Khoản vay của 100.000.000 đồng (02 tháng tiền lãi là 4.000.000 đồng); khoản vay 50.000.000 đồng (tiền lãi là 3.000.000 đồng). Hiện nay bà C, ông Hải còn nợ gốc tổng là 150.000.000 đồng và lãi từ tháng 10 năm 2009 cho đến nay.

Nay bà Nguyễn Thị H, ông Ứng Văn T yêu cầu bà Lê Thị C và các con của bà C, ông Hải là anh Trịnh Minh Thắng, anh Trịnh Thế Hưng phải liên đới trả ông Túc, bà Hoa: Tiền gốc 150.000.000 đồng; tiền lãi của 100.000.000 đồng tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 cho đến ngày xét vụ án theo lãi xuất Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Đối với khoản tiền lãi của 50.000.000 đồng mà ông Hải ghi giấy biên nhận vay, nhưng hiện ông Hải đã chết, nên ông Túc không yêu cầu bà C và các con bà C phải trả tiền lãi.

Phía bị đơn bà Lê Thị C trình bày:

Vợ chồng bà Lê Thị C, ông Trịnh Minh H có vay tiền của vợ chồng ông Ứng Văn T, bà Nguyễn Thị H, tổng số tiền 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) theo như giấy vay tiền đề ngày 15/7/2009 và ngày 21/7/2009 cụ thể:

Ngày 12/7/2009 vợ chồng bà C, ông Hải có vay của bà Hoa, ông Túc 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), với lãi suất 2.000 đồng/01 triệu/ngày, thời hạn vay 06 tháng. Sau khi vay vợ chồng bà C, ông Hải có trả được tiền lãi khoảng 01 năm tiền lãi ngày. Tổng số tiền lãi đã trả cho ông Túc, bà Hoa bao nhiêu thì bà C không nhớ, về sau này do làm ăn kinh tế khó khăn nên vợ chồng bà C, ông Hải chưa trả được bà Hoa, ông Túc số tiền 100.000.000 đồng này.

Ngày 21/7/2009 chồng bà C là ông Trịnh Minh H đến vay của ông Túc, bà Hoa với số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) với lãi xuất 2.000 đồng/01 triệu/ngày. Khoản vay này thì bà C không biết ông Hải vay lúc nào và vay để làm gì, đến khi ông Hải nói với bà C thì bà C mới biết ông Hải vay 50.000.000 đồng của bà Hoa, ông Túc, nhưng hiện nay ông Hải đã trả cho ông Túc, bà Hoa 50.000.000 đồng rồi.

Nay ông Túc, bà Hoa khởi kiện buộc vợ chồng bà C, ông Hải phải trả số tiền gốc 150.000.000 đồng và số tiền lãi hơn 620.000.000 đồng thì bà C không đồng ý, vì bà C, ông Hải chỉ nợ bà Hoa, ông Túc 100.000.000 đồng theo như giấy vay tiền đề ngày 15/7/2009, còn số tiền ông Hải vay theo như giấy ngày 21/7/2009 thì bà C không biết. Bà C sẽ đi đòi nợ của những người đang nợ bà C thì bà C trả bà Hoa, ông Túc số tiền gốc 100.000.000 đồng còn tiền lãi bà C xin miễn.

Tại phiên toà:

Ông Ứng Văn T yêu cầu bà Lê Thị C và các con của bà C, ông Hải là anh Trịnh Minh Thắng, anh Trịnh Thế Hưng phải liên đới trả ông Túc, bà Hoa số tiền gốc 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*), còn tiền lãi ông Túc không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện VKSND huyện Mỹ Đức tham gia phiên toà phát biểu về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về thủ tục tố tụng của Pháp luật TTDS trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tố tụng của mình; bị đơn và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hải đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn; buộc bà Lê Thị C, anh Trịnh Minh Thắng, anh Trịnh Thế Hưng phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Ứng Văn T số tiền gốc là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*), tiền lãi không đề nghị Toà án giải quyết do nguyên đơn không yêu cầu. Về án phí buộc bà Lê Thị C, anh Trịnh Minh Thắng, anh Trịnh Thế Hưng phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

Về tố tụng:

Bị đơn và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hải đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị C, anh Trịnh Minh Thắng, anh Trịnh Thế Hưng vắng mặt tại phiên tòa, Theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào đơn khởi kiện kèm với giấy vay tiền, lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ khác, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thời hiệu khởi kiện: Vụ án còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 149, Điều 155 và Điều 156 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Căn cứ lời khai của nguyên đơn và bị đơn, giấy cho vay tiền ngày 15/7/2009 và ngày 21/7/2009 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở xác định bà Lê Thị C, ông Trịnh Minh H vay vợ chồng ông Ứng Văn T, bà Nguyễn Thị H số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), thời hạn trả nợ 06 tháng, có thỏa thuận lãi suất bằng miệng; ông Trịnh Minh H vay vợ chồng ông Ứng Văn T, bà Nguyễn Thị H số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*), thời hạn vay là 01 tháng, có thỏa thuận lãi suất bằng miệng.

Bà Lê Thị C chỉ xác nhận bà C, ông Hải vay 100.000.000 đồng của bà Hoa, ông Túc hiện vẫn chưa trả. Còn số tiền 50.000.000 đồng mà ông Hải vay của bà Hoa, ông Túc thì ông Hải đã trả cho bà Hoa, ông Túc rồi. Toà án đã yêu cầu bà C cung cấp chứng cứ chứng minh về việc ông Hải đã trả 50.000.000 đồng cho bà Hoa, ông Túc và số tiền lãi mà bà C đã trả cho ông Túc, bà Hoa nhưng bà C không cung cấp. Xét thấy, số tiền 50.000.000 đồng tại giấy vay ngày 21/7/2009 chỉ có ông Hải ký, nhưng bà C biết rõ việc ông Hải vay 50.000.000 đồng này vào mục đích vay sử dụng chung của hai vợ chồng, nên xác định khoản vay 50.000.000 đồng mà ông Hải vay là khoản vay của vợ chồng, nên mỗi người phải có nghĩa vụ trả nợ $\frac{1}{2}$ nợ gốc của 02 khoản vay trên là có căn cứ.

Về lãi suất: Do phía nguyên đơn không yêu cầu, nên Toà không xét.

Từ phân tích trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn buộc phía bị đơn phải trả cho bà Nguyễn Thị H, ông Ứng Văn T số tiền gốc 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*). Do ông Trịnh Minh H đã chết, nên bà Lê Thị C phải trả 75.000.000 đồng (*Bảy mươi năm triệu*); người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Hải, là bà Lê Thị C, anh Trịnh Minh Thắng, anh Trịnh Hưng phải liên đới trả 75.000.000 đồng (*Bảy mươi năm triệu*).

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bị đơn và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 471, 473, 474, 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 26, 35, 39, 74, 147, 184, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, ông Ứng Văn T.
- Buộc bà Lê Thị C phải trả bà Nguyễn Thị H, ông Ứng Văn T số tiền 75.000.000 đồng (*Bảy mươi năm triệu đồng*).

- Buộc bà Lê Thị C, anh Trịnh Minh Thắng, anh Trịnh Thế Hưng phải liên đới trả bà Nguyễn Thị H, ông Ứng Văn T số tiền 75.000.000 đồng (*Bảy mươi năm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành có đơn đề nghị thi hành án, ngoài khoản tiền phải trả nêu trên, người phải thi hành còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án tại thời điểm trả tiền.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Bà Lê Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 3.750.000 đồng (*Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*); bà Lê Thị C, anh Trịnh Minh Thắng, anh Trịnh Thế Hưng phải liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 3.750.000 đồng (*Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn, bị đơn, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố;
- VKSND Thành phố, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lã Phi Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA